Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8438.60.00

Mã HS	8438.60.00
Mô tả hàng hóa	Máy chế biến công nghiệp hoặc sản xuất thực phẩm hoặc đồ uống, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này, trừ các loại máy để chiết xuất hoặc chế biến dầu hoặc mỡ động vật hoặc dầu hoặc chất béo không bay hơi của thực vật hoặc vi sinh vật / - Máy chế biến hoa quả, quả hạch hoặc rau
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 14:30:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84386000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13831
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13831
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13831
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13141
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13082
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13082
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13082
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13082
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13082
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13082
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13136
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13136
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13136
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13136

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13136
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13136
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13137
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13137
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13137
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13137
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13137
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13137
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13140
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13088
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13096
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13096
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13096
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13096
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13096
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13096
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13127
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13127
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13127
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13127
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13127
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13127
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13176
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13176
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13176
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13176

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13176
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13176
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13159
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13159
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13159
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13159
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13159
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13159
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13159
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13159
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13159
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13159
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13159
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13159
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13174
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13174
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13174
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13174
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13174
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13174
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13173
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13173
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13173
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13173
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13173
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13173

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13153
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13153
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13153
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13153
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13153
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13153
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13153
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13161
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13161
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13161
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13161
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13161
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13161
RCEP B	2022	2022	0	B!D13161
RCEP B	2023	2023	0	B!E13161
RCEP B	2024	2024	0	B!F13161
RCEP B	2025	2025	0	B!G13161
RCEP B	2026	2026	0	B!H13161
RCEP B	2027	2027	0	B!I13161
RCEP C	2022	2022	0	C!D13161
RCEP C	2023	2023	0	C!E13161
RCEP C	2024	2024	0	C!F13161
RCEP C	2025	2025	0	C!G13161
RCEP C	2026	2026	0	C!H13161
RCEP C	2027	2027	0	C!I13161
RCEP D	2022	2022	0	D!D13160

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13160
RCEP D	2024	2024	0	D!F13160
RCEP D	2025	2025	0	D!G13160
RCEP D	2026	2026	0	D!H13160
RCEP D	2027	2027	0	D!I13160
RCEP E	2022	2022	0	E!D13164
RCEP E	2023	2023	0	E!E13164
RCEP E	2024	2024	0	E!F13164
RCEP E	2025	2025	0	E!G13164
RCEP E	2026	2026	0	E!H13164
RCEP E	2027	2027	0	E!I13164
RCEP F	2022	2022	0	F!D13161
RCEP F	2023	2023	0	F!E13161
RCEP F	2024	2024	0	F!F13161
RCEP F	2025	2025	0	F!G13161
RCEP F	2026	2026	0	F!H13161
RCEP F	2027	2027	0	F!I13161
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12209
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12209
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12209
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12209

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8438.60.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8438.60.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8438.60.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8438.60.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13831), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.